

Số: **125**/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **07** tháng **02** năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 25 tháng 01 năm 2022 đến ngày 01 tháng 02 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết khu vực Nam bộ

Từ đêm 01/02-10/02, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng. Nhiệt độ thấp nhất từ: 22-25⁰C, nhiệt độ cao nhất từ: 30-33⁰C.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Lúa Mùa 2021	<i>Thu hoạch</i>	5.518,6
	Tổng	5.518,6
Lúa Đông xuân 2021-2022	<i>Mạ</i>	143
	<i>Đẻ nhánh</i>	2.463
	<i>Đòng</i>	1.516
	<i>Trổ</i>	175
	<i>Chín</i>	80
	Tổng	4.377

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1.Cây rau Đông xuân 2021-2022		3.831,8	2.Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.129
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.261,1	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	370
- RALDN	Nhiều giai đoạn		Hoa mai	Nhiều giai đoạn	764
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	287,1	3.Cây lương thực	Nhiều giai đoạn	324,9
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	279,6	Bắp	Nhiều giai đoạn	304,9
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	223,6	Khoai mì	Nhiều giai đoạn	20
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	187,9	4.Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	870,6
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.522,6	5.Cây ăn trái	Nhiều giai đoạn	5.600

Ghi chú: RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi côn trùng vào bẫy đèn rầy nâu trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			25/01	26/01	27/01	28/01	29/01	30/01	31/01	01/02
1	Củ Chi	Thái Mỹ	76	92	80	46	58	66		
2		Trung Lập Thượng	114	102	98	74	55			

III. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

a) Trên cây lúa Vụ Đông xuân 2021-2022

T T	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM, CC
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	CC
3	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC, HM
4	Sâu phao	1-5			1-5	CC, HM
5	Đạo ôn	3-10%			1-3	CC, HM
6	Đốm vằn	3-5%			1-3	CC
7	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC, HM
8	Chuột	3%			Các giai đoạn	CC

Ghi chú: CC: Củ Chi, BC: Bình Chánh, HM: Hóc Môn, BT: Bình Tân, TĐ: Thủ Đức, Q12: quận 12

b) Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, CC, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, Q12, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	HM, Q12, CC, BC, TĐ
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BT, CC, BC
9	Rầy xanh	3-7			1-5	CC, BC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12, TĐ
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC, BC, BT, HM
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	HM, Q12, TĐ, BT
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	BC, Q12
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	HM, Q12, TĐ, BC, CC
19	Đốm lá	2-5			1-3	HM, Q12, BC
20	Ph.vàng/d.leo	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

a) Trên cây lúa Vụ Đông xuân 2021-2022

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Sâu cuốn lá	37,9				37,9		HM, CC
2	Bọ xít hôi	21				21		CC
3	Bọ trĩ	0,9				0,9		CC, HM
4	Sâu phao	99				99		CC, HM
5	Đạo ôn	38				38		CC, HM
6	Đốm vằn	30				30		CC
7	OBV	714				714		CC, HM
8	Chuột	86				86		CC
	Tổng	1.026,8				1.026,8		

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bọ nhậy	23,3				23,3	15,7	CC,BC,BT,HM
2	Sâu xanh	64,2				64,2	38,0	CC,BC,BT,HM
3	Sâu tơ	15,7				15,7	9,2	CC,BC,BT,HM
4	Dòi đục lá	10,6				10,6	5,3	CC,BC,BT,HM
5	Sâu đục trái	1,6				1,6	1,6	CC,BC,BT,HM
6	Sâu ăn tạp	140,6				140,6	80,8	CC,BC,BT,HM
7	Bọ trĩ	21,0				21,0	12,0	CC,BC,BT,HM
8	Rầy mềm	1,5				1,5	1,5	CC,BC,BT,HM
9	Rầy xanh	24,1				24,1	14,1	CC,BC,BT,HM
10	Rầy xám	55,5				55,5	27,0	CC,BC,BT,HM
11	Bọ phấn	8,1				8,1	4,1	CC,BC,BT,HM
12	Sâu đục đọt	1,5				1,5	1,5	CC,BC,BT,HM
13	Bọ xít đen	1,0				1,0		CC,BC,BT,HM
14	Ruồi đục trái	7,5				7,5	6,5	CC,BC,BT,HM
15	OBV	218,6				218,6	147,2	CC,BC,BT,HM
16	Ốc sên	0,50				0,50	0,4	CC,BC,BT,HM
17	Tnhũn/r.cải	10,7				10,7	6,3	CC,BC,BT,HM
18	Rỉ trắng/RM	51,0				51,0	29,7	CC,BC,BT,HM
19	Đốm lá	13,2				13,2	8,1	CC,BC,BT,HM
20	Ph.vàng/d.leo	3,9				3,9	2,0	CC,BC,BT,HM
21	Vàng lá	2,3				2,3	1,4	CC,BC,BT,HM
	Tổng	676,4				676,4	414,4	

3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

a) Trên lúa vụ Đông xuân 2021-2022

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.026,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (1.020,5 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, sâu phao, OBV, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: gây hại trên 37,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (120,5ha).
- Sâu phao: gây hại trên 99 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước.
- Bệnh đạo ôn: gây hại trên 38 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (79,2 ha).
- Bệnh đốm vằn: gây hại 30 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (26 ha).

b) Trên cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 676,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (679,3 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 414,4 lượt ha chiếm 61,3% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, rầy xám, bệnh rỉ trắng và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: gây hại trên 140,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (153,2 ha).
- Rầy xám: gây hại trên 55,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (52,6 ha).
- OBV: gây hại trên 218,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (223,3 ha).
- Bệnh rỉ trắng: gây hại 51 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (58,9 ha).

c) Một số đối tượng sinh vật hại cần lưu ý trên cây trồng khác

Tổng diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá là 4,5 ha, chiếm 1,3 % diện tích gieo trồng (346 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30 % và gây hại chủ yếu trên các giống khoai mì KM505 (4,5 ha).

Tổng diện tích bị sâu đục thân (*Chilo suppressalis*) gây hại trên mía là 8 ha, chiếm 5,9 % tổng diện tích gieo trồng (134 ha).

Tổng diện tích bị bọ dừa gây hại trên cây dừa là 4,8 ha chiếm 0,8 % diện tích gieo trồng (319,3 ha). Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen gây hại trên dừa.

Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu gây hại trên cây bắp (DTGT 304,9ha)

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

a) Trên cây lúa

- *Rầy nâu*: Dự kiến tuần tới rầy nâu sẽ phổ biến ở giai đoạn trưởng thành, gây hại phổ biến ở mức nhẹ trên lúa giai đoạn mạ đến đòng, trổ. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa vụ Đông xuân chú ý chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, theo dõi tình hình rầy vào đèn tại địa phương để xuống giống né rầy đạt hiệu quả.

- *Sâu cuốn lá*: Trong tuần tới sâu cuốn lá sẽ phổ biến ở giai đoạn tuổi 5- trưởng thành. Do vậy cần phải thường xuyên theo dõi tình hình gây hại và bươm trưởng thành vào đèn của sâu cuốn lá để có biện pháp phòng trị kịp thời khi mật số sâu hại tăng cao.

- *Bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá và lem lép hạt*: có khả năng tăng diện tích và tỷ lệ nhiễm trong thời gian tới do ẩm độ không khí cao, nhất là trên những ruộng gieo sạ dày, bón thừa phân đạm, sử dụng giống nhiễm,... Khuyến cáo bà con nông dân cần thường xuyên thăm đồng điều tra phát hiện sớm để quản lý và phòng trừ kịp thời.

- *Ốc bươu vàng*: có khả năng gia tăng diện tích nhiễm trên lúa Đông xuân 2021 – 2022, nhất là trên những ruộng trũng khó tiêu thoát nước; *chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng trổ.

b) Trên cây rau

- *Rau ăn lá*: cần chú ý các loài sâu hại sẽ có xu hướng phát sinh phát triển mạnh như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy mềm. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như chết rạp cây con, thối nhũn, thán thư, sương mai, đốm nâu, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: lưu ý các sinh vật hại phổ biến như bọ dưa, bọ trĩ, rầy mềm, bọ phấn, dòi đục lá, bệnh thán thư, thối thân, đốm lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Hoa lan*: bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ, ốc sên.

- *Hoa mai*: sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng.

d) Các loại cây trồng khác

- *Cây cao su*: Tăng cường công tác điều tra phát hiện bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su do nấm *Pestalotiopsis* sp. gây ra theo hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật tại Công văn số 2155/BVTV-TV ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc tổ chức điều tra diễn biến bệnh rụng lá đốm tròn trên vườn cây cao su và đề xuất biện pháp phòng chống kịp thời.

- *Cây sắn (khoai mì)*: Bệnh khảm lá virus tiếp tục phát sinh, lây lan và gây hại tăng ở những vùng nhiễm bệnh, nhất là những vùng mới xuống giống. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sắn giai đoạn phát triển thân lá – phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây ngô (bắp)*: Chuẩn bị xuống giống vụ mới do vậy cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá – xoáy nõn – trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây ăn quả có múi*: Bệnh ghẻ sọc, bệnh loét, bệnh Greening, bệnh vàng lá thối rễ, bệnh thán thư, bệnh thối nâu quả, nhện, ngài đục quả, ruồi đục quả,... Đặc biệt trên những diện tích cây ăn quả có múi vào thời kỳ chín các đối tượng như bệnh vàng lá thối rễ, bệnh thán thư, bệnh thối nâu, ngài đục quả, ruồi đục quả.

- *Cây dưa*: bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

- *Cây xoài*: sâu đục thân cành, bệnh thán thư.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Thực hiện Công văn số 1027/TT-VPPN ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Cục Trồng trọt về một số giải pháp chỉ đạo sản xuất cây trồng vụ Đông Xuân năm 2021-2022 các tỉnh, thành Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Theo đó, cần tuân thủ lịch thời vụ theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn, phù hợp với nguồn nước, tránh thiệt hại cuối vụ do hạn hán, xâm nhập mặn. Về canh tác, cần thu dọn tàn dư thực vật xử lý tốt, tránh gây ngộ độc hữu cơ cho cây trồng; làm đất kỹ, rãnh thoát nước tốt tránh ngập úng; tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tăng tỉ lệ sử dụng giống xác nhận; bón phân cân đối, tránh bón thừa phân đạm.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

a) Cây rau

- Lưu ý một số đối tượng sinh vật hại như sâu xám, sâu tơ, bọ nhảy, sâu khoang, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn, ... gây trên rau họ hoa thập tự. Ngoài ra, cần chú ý ruồi đục lá, xoắn lá virus, đốm đen gây hại trên rau họ cà; bệnh lở cổ rễ gia tăng gây hại trên bí xanh, bí đỏ và rau các loại.

- Khuyến cáo người dân sử dụng đúng thuốc BVTV được quy định cho phép sử dụng trên rau. Ngoài ra cần tuân thủ đúng thời gian cách ly của thuốc BVTV trước khi thu hoạch để đảm bảo an toàn.

b) Cây lúa

- Theo dõi mật số rầy nâu trên đồng ruộng, rầy vào đèn để đảm bảo cho công tác phòng trừ cũng như xuống giống lúa né rầy hiệu quả.

- Thời tiết hiện nay thuận lợi cho bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn và lem lép hạt tiếp tục lây lan gây hại trên lúa. Trên những ruộng trồng giống nhiễm có thể tiến hành phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông và lem lép hạt lần 1 khi lúa bắt đầu trổ lác đặc và phun lần 2 khi lúa trổ đều.

- Vụ Đông xuân 2021-2022 cần chủ động đủ nguồn nước trước khi xuống giống. Về cơ cấu giống lúa tập trung các giống lúa chủ lực có khả năng thích ứng rộng, chất lượng cao, chủng loại đáp ứng cho yêu cầu xuất khẩu.

c) Các loại cây trồng khác

- Lưu ý trừ bọ phấn trắng trên cây khoai mì do đây là môi giới trung gian lan truyền virus gây bệnh khảm lá trên cây khoai mì. Không trồng giống khoai mì HLS-11 đồng thời tiêu hủy các diện tích bị nhiễm bệnh khảm lá nặng nhằm hạn chế bệnh lây lan sang các diện tích mới. Áp dụng chặt chẽ quy trình phòng trừ bệnh khảm lá đã được ban hành để hạn chế thấp nhất khả năng lây lan của bệnh.

- Điều tra phát hiện sớm sâu keo mùa thu trên cây bắp nhất là giai đoạn khi cây có từ 3-6 lá thật để có biện pháp xử lý cũng như phòng trị kịp thời. Việc phòng trừ cần thực hiện theo quy trình của Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành.

- Tăng cường công tác điều tra phát hiện và hướng dẫn người dân phòng trừ bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su để hạn chế bệnh lây lan ra diện rộng.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại. /

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Cục Thống kê Thành phố;
- Sở NN và PTNT;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm: KN, GCTVNTS;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp. Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.BNH (03).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Thái Thành Tâm

Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA(Kèm báo cáo số: **125** /BC-CCTTBVT, ngày **07** tháng **02** năm 2021 của Chi cục TTBVT)**1. Vụ Đông xuân 2021-2022**

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	37,9			37,9	36,2	120,5		HM, CC
2	Bọ xít hôi	21			21	21	37,5		CC
3	Bọ trĩ	0,9			0,9	47,4	1		CC, HM
4	Sâu phao	99			99	87,6			CC, HM
5	Đạo ôn	38			38	28,6	79,2		CC, HM
6	Đốm vằn	30			30	23	26		CC
7	OBV	714			714	714	707		CC, HM
8	Chuột	86			86	80	49,3		CC
	Tổng	1.026,8			1.026,8	1.037,8	1.020,5		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

172

01

07

Phụ lục II
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU
 (Kèm báo cáo số: 125 /BC-CCTTBVTV, ngày 07 tháng 02 năm 2021 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	23,3			23,3	22,6	27,4	15,7	HM, CC,BC,BT
2	Sâu xanh	64,2			64,2	63,0	63,6	38,0	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sâu tơ	15,7			15,7	15,4	5,6	9,2	HM,Q12, BC,BT
4	Dòi đục lá	10,6			10,6	10,6	3,4	5,3	HM,Q12,CC
5	Sâu đục trái	1,6			1,6	1,6	5,0	1,6	BC
6	Sâu ăn tạp	140,6			140,6	131,4	153,2	80,8	HM,Q12,CC,BC,TĐ
7	Bọ trĩ	21,0			21,0	21,0	18,0	12,0	CC
8	Rầy mềm	1,5			1,5	1,5	11,7	1,5	BT,CC,BC
9	Rầy xanh	24,1			24,1	24,1	17,1	14,1	CC,BC
10	Rầy xám	55,5			55,5	55,5	52,6	27,0	HM,Q12,TĐ
11	Bọ phấn	8,1			8,1	8,1	6,0	4,1	CC,BC,BT,HM
12	Sâu đục đọt	1,5			1,5	1,5	2,8	1,5	BC
13	Bọ xít đen	1,0			1,0	1,0	2,0		TĐ
14	Ruồi đục trái	7,5			7,5	7,5	18,2	6,5	BC
15	OBV	218,6			218,6	218,6	223,3	147,2	HM,Q12,TĐ,BT
16	Ốc sên	0,50			0,50	0,50	0,4	0,4	BC,Q12
17	Tnhũn/r.cải	10,7			10,7	10,3	4,4	6,3	HM,Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	51,0			51,0	48,9	58,9	29,7	HM,Q12,TĐ,BC,CC
19	Đóm lá	13,2			13,2	12,9	5,1	8,1	HM,Q12,BC
20	Ph.vàng/d.leo	3,9			3,9	3,9	0,2	2,0	HM
21	Vàng lá	2,3			2,3	2,3	0,4	1,4	TĐ
	Tổng	676,4			676,4	662,2	679,3	414,4	